

**DANH SÁCH CHI TIẾT**

**Ban hành Thông báo thu hồi đất tại xã Quang Hưng để thực hiện Dự án:**  
**Đường nối từ QL.38B với đường khu di tích Voi đá Ngựa đá và Khu dân cư số 5 huyện Phù Cừ**  
*(Kèm theo Thông báo số 337/TB-UBND ngày 09/10/2026 của UBND xã Quang Hưng)*

| STT  | Số hộ                  | Họ và tên chủ sử dụng có đất thu hồi | Địa chỉ (Thôn) | Tờ bản đồ số | Thửa đất số | Tổng diện tích thửa (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Loại đất |
|------|------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------|-------------|--------------------------|------------------------|----------|
| I    | Đất do UBND xã quản lý |                                      |                |              |             |                          | 863,1                  |          |
| 1    | 1                      | Đất giao thông                       | Cao Xá         | 8            | 43          |                          | 4,5                    | DGT      |
|      |                        |                                      |                | 8            | 43          | 9.260,0                  | 16,6                   |          |
|      |                        |                                      |                | 8            | 43          | 9.260,0                  | 12,3                   |          |
|      |                        |                                      |                | 8            | 43          | 9.260,0                  | 38,4                   |          |
|      |                        |                                      |                | 8            | 43          | 9.260,0                  | 51,5                   |          |
|      |                        |                                      |                | 8            | 43          | 9.260,0                  | 51,6                   |          |
|      |                        |                                      |                | 9            | 161         | 1.726,7                  | 17,7                   |          |
|      |                        |                                      |                | 9            | 161         | 1.726,7                  | 46,1                   |          |
|      |                        |                                      |                | 9            | 161         | 1.726,7                  | 12,3                   |          |
|      |                        |                                      |                | 9            | 161         | 1.726,7                  | 37,4                   |          |
|      |                        |                                      |                | 35           | 12          | 26,2                     | 26,2                   |          |
|      |                        |                                      |                | 35           | 22          | 189,7                    | 189,7                  |          |
|      |                        |                                      |                | 35           | 38          | 10.801,8                 | 328,4                  |          |
|      |                        | Cộng                                 |                |              |             |                          | 832,7                  |          |
| 2    | 2                      | Đất thủy lợi                         | Cao Xá         | 8            | 53          | 165,4                    | 5,4                    | DTL      |
|      |                        |                                      |                | 8            | 65          | 129,4                    | 12,5                   |          |
|      |                        |                                      |                | 8            | 72          | 128,2                    | 12,5                   |          |
|      |                        | Cộng                                 |                |              |             |                          | 30,4                   |          |
| II   | 1                      | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp   | Cao Xá         | 9            | 234         | 19.146,7                 | 9,5                    | SKC      |
|      |                        |                                      |                | 9            | 234         | 19.146,7                 | 12,1                   |          |
|      |                        | Cộng                                 |                |              |             |                          | 21,6                   |          |
| TỔNG |                        |                                      |                |              |             |                          | 884,7                  |          |

